

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính quý III và một số nhiệm vụ trọng tâm quý IV năm 2024

Thực hiện chương trình, kế hoạch công tác cải cách hành chính (CCHC) năm 2024, Ủy ban nhân dân xã Phong Hải báo cáo tình hình công tác CCHC Quý III và một số nhiệm vụ trọng tâm công tác CCHC Quý IV năm 2024 như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Về kế hoạch cải cách hành chính

UBND xã đã xây dựng Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 05/01/2024 về cải cách hành chính gắn với chính quyền số dịch vụ đô thị thông minh và đào tạo nguồn nhân lực xã Phong Hải. Trong đó xác định rõ nhiệm vụ cụ thể thời gian thực hiện.

2. Về tổ chức chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính.

Để đảm bảo công tác triển khai, quán triệt gắn với việc tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các văn bản của Chính phủ, Bộ, ngành Trung ương, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, Huyện ủy, HĐND huyện; từ đầu năm đến nay UBND xã đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, điều hành kịp thời, đồng bộ, toàn diện trên các mặt công tác CCHC, đáp ứng yêu cầu công tác CCHC trên địa bàn xã, nhất là việc cụ thể hóa, áp dụng kịp thời, đầy đủ các văn bản QPPL của Chính phủ, Bộ, ngành Trung ương, của tỉnh đảm bảo đúng quy định của pháp luật và thực tiễn ở địa phương.

3. Về công tác tuyên truyền CCHC

UBND xã đã xây dựng và ban hành Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 10/01/2024 về tuyên truyền CCHC trên địa bàn xã Phong Hải năm 2024

UBND xã đã đăng tải đầy đủ các TTHC thuộc các lĩnh vực quản lý trên Trang thông tin điện tử xã. Công tác tuyên truyền CCHC được duy trì thường xuyên và nâng cao chất lượng nội dung trên các chuyên mục của Đài Truyền thanh xã để tổ chức tuyên truyền thường xuyên trên các phương tiện thông tin đại chúng, qua đó tạo điều kiện cho tổ chức và công dân nắm bắt thủ tục và giám sát việc thực hiện TTHC tại các cơ quan hành chính Nhà nước.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế

Công tác hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách về các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc thẩm quyền của địa phương được tiến hành nghiêm túc, kịp thời. Ngay từ đầu năm 2024, UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 09/KH-UBND ngày 10/01/2024 về kiểm soát TTHC năm 2024; số 13/KH-UBND ngày 11/01/2024 về rà soát TTHC năm 2024; số 01/KH-UBND ngày 04/01/2024 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn xã năm 2024, để triển khai thực hiện có hiệu quả cũng như nâng cao

chất lượng công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật tại địa phương theo các văn bản chỉ đạo của Trung ương, tỉnh và huyện.

2. Cải cách thủ tục hành chính

a. Về kiểm soát thủ tục hành chính

- Tiếp tục thực hiện Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 8/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát TTHC, Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát TTHC, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát TTHC, Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát TTHC, Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính Phủ về tiếp nhận, xử lý các phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức về các quy định hành chính. Ngày 10/01/2023, UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 09/KH-UBND ngày 10/01 /2024 về kiểm soát TTHC năm 2024; số 13/KH-UBND ngày 11/01/2024 về rà soát TTHC năm 2024

- Chỉ đạo cán bộ công chức thường xuyên thực hiện công tác thống kê bổ sung TTHC mới ban hành sau khi UBND tỉnh có quyết định công bố bộ TTHC mới và rà soát TTHC hết hiệu lực, tiến hành rà soát, áp dụng ngay các quy định mới khi các Bộ, ngành Trung ương, các sở ngành của tỉnh hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung và tổ chức niêm yết, công khai các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã đảm bảo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân tiếp cận, tìm hiểu và thực hiện đúng quy định.

- Tiếp tục duy trì đội ngũ cán bộ, công chức làm nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính tại cơ quan chuyên môn thuộc xã. UBND xã đã bố trí 01 Công chức Văn phòng – Thống kê làm đầu mối thực hiện nhiệm vụ kiểm soát TTHC của đơn vị, đồng thời thường xuyên thực hiện công tác thống kê bổ sung thủ tục hành chính mới ban hành sau khi UBND tỉnh có quyết định công bố bộ thủ tục hành chính mới và rà soát thủ tục hành chính hết hiệu lực, tiến hành rà soát, áp dụng ngay các quy định mới khi của tỉnh, huyện hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung. Thường xuyên, đồng thời niêm yết, công khai các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã đảm bảo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân tiếp cận, tìm hiểu và thực hiện đúng quy định.

b) Việc thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông

- Thực hiện Quyết định số 34/2019/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2019 của UBND tỉnh ban hành Quy định tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế; Quyết định số 3141/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành danh mục thủ tục hành chính được thực hiện tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn.

- Thực hiện niêm yết công khai, rõ ràng, đầy đủ các thủ tục hành chính cấp xã tại Bộ phận tiếp nhận và hoàn trả kết quả của xã và trên Trang thông tin điện tử xã; đồng thời thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết các thủ tục hành chính theo đúng nội dung đã được UBND tỉnh công bố. Thường xuyên kiểm tra công tác niêm yết Danh

mục TTHC cấp xã đảm bảo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân tiếp cận, tìm hiểu và thực hiện đúng quy định.

- Thực hiện nghiêm túc quy trình xin lỗi theo Quyết định số 3461/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quy định về trách nhiệm công khai xin lỗi của cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại các cơ quan, đơn vị trong giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; lấy ý kiến mức độ hài lòng của tổ chức, công dân theo Quyết định số 2709/QĐ-UBND ngày 17/11/2017 của UBND tỉnh ban hành quy định khảo sát lấy ý kiến mức độ hài lòng trong giải quyết thủ tục hành chính ở các cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh.

- Kết quả thống kê hồ sơ TTHC tiếp nhận và giải quyết theo cơ chế một cửa như sau: (Từ ngày 06/6/ 2024 đến 11/9/2024) Tổng số hồ sơ tiếp nhận 188 hồ sơ; Hồ sơ mức độ 3,4 gồm 79 hồ sơ (42%): Trong đó: Đã giải quyết 188 hồ sơ (100%), trước hạn và đúng hạn 188 hồ sơ(100%); trễ hạn: 0 hồ sơ.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

- Công tác quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, trên địa bàn xã được thực hiện đảm bảo, hiệu quả đúng theo quy định.

4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức.

Tiếp tục thực hiện Chương trình hành động số 99/CTr-UBND ngày 28/5/2018, Chương trình hành động số 100/CTr-UBND ngày 28/5/2018 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế và Kế hoạch số 54-KH/HU ngày 01/6/2018 của Ban Thường vụ Huyện ủy Phong Điền thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII).

5. Cải cách tài chính công

- Tiếp tục triển khai và thực hiện tốt Nghị định số 130/2005/NĐ-CP của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan Nhà nước; Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

- Thường xuyên chỉ đạo các cơ quan chức năng tăng cường công tác phân cấp quản lý ngân sách; công khai các nguồn thu, khoản chi, tạo điều kiện cho việc kiểm tra, giám sát quá trình sử dụng vốn, tài sản nhằm hạn chế các vi phạm về chế độ quản lý tài chính, sử dụng có hiệu quả hơn ngân sách và tài sản Nhà nước, thực hành tiết kiệm và chống lãng phí.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, chính quyền số

a) Ứng dụng công nghệ thông tin

- Duy trì việc sử dụng thường xuyên hộp thư điện tử công vụ trong hoạt động của các cơ quan, sử dụng hiệu quả các phần mềm dùng chung. Tiếp tục triển khai, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm túc việc tiếp nhận, ban hành văn bản và xử lý công việc trên Trang thông tin điều hành tác nghiệp; sử dụng chữ ký số (chứng thư số) được cấp để ký các văn bản đi của cơ quan.

- Nâng cao chất lượng sử dụng hệ thống mạng truyền số liệu chuyên dùng CPNET và triển khai Internet tập trung; tiếp tục khai thác có hiệu quả hệ thống Hội nghị trực tuyến tại UBND huyện; duy trì hoạt động của Trang thông tin điện tử xđđảm bảo cung cấp thông tin kịp thời cho công dân, doanh nghiệp và cán bộ, công chức, viên chức.

- Tiếp tục theo dõi, chỉ đạo cán bộ công chức ứng dụng phần mềm xử lý dịch vụ công trong tiếp nhận, xử lý hồ sơ, TTHC nhằm mục tiêu kết nối, liên thông trong giải quyết TTHC cho tổ chức, công dân.

b) Tình hình áp dụng, duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 trong hoạt động của cơ quan Nhà nước

Để tiếp tục duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015, ngay từ đầu năm, UBND xã đã ban hành kế hoạch về duy trì cải tiến, mở rộng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 tại UBND xã; theo đó đã ban hành mục tiêu chất lượng và kế hoạch về xây dựng thực hiện mục tiêu chất lượng cũng như các văn bản chỉ đạo liên quan khác.

III. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CÔNG TÁC CCHC 6 THÁNG CUỐI NĂM 2024

1. Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền về CCHC ở các cấp nhằm giúp nhân dân hiểu rõ hoạt động CCHC của cơ quan hành chính Nhà nước ở địa phương; phát động nhân dân tham gia thực hiện đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực, những nhiễu của cán bộ công chức khi thực thi công việc.

2. Quản lý chặt chẽ công tác xây dựng, ban hành và nâng cao chất lượng văn bản QPPL, văn bản quản lý Nhà nước do UBND xã ban hành. Chỉ đạo cán bộ, công chức về công tác xây dựng và ban hành văn bản QPPL của HĐND, UBND trên địa bàn theo quy định tại Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ.

3. Nâng cao chất lượng giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả xã.

- Tăng cường triển khai áp dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4; số hóa hồ sơ cho tổ chức, công dân trong tiếp nhận, giải quyết TTHC; tăng cường tiếp nhận và giải quyết TTHC theo phương châm “4 tại chỗ”.

- Tiếp tục triển khai, chỉ đạo thực hiện nghiêm túc Quy định tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; thực hiện nghiêm túc quy trình xin lỗi.

4. Tăng cường khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, công dân trong thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn xã theo Quyết định số 1709/QĐ-UBND ngày 17/11/2017 của UBND tỉnh.

5. Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng hành chính, nghiệp vụ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, công chức. Thực hiện chuyển đổi các vị trí công tác theo quy định tại Nghị định số 158/2007/NĐ-CP của Chính phủ.

6. Tiếp tục tổ chức thực hiện tốt kỷ luật, kỷ cương hành chính, nội quy, quy chế làm việc. Thực hiện kiểm tra công tác CCHC, kiểm soát TTHC, Hệ thống quản

lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015, thực hiện ý kiến chỉ đạo năm 2024 theo kế hoạch.

7. Tiếp tục triển khai và thực hiện tốt Nghị định số 130/2005/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan Nhà nước, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP.

8. Tiếp tục triển khai thực hiện khung chính quyền điện tử, nâng cao chất lượng hoạt động của Trang thông tin điện tử xã, hiệu quả sử dụng hệ thống thư điện tử công vụ, các phần mềm dùng chung của tỉnh.

9. Tiếp tục thực hiện tốt việc duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015.

Rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy trình ISO; tiến hành xem xét, đánh giá,... để công bố lại hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm và một số nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2024. UBND xã báo cáo Ủy ban nhân dân huyện, Phòng nội vụ huyện./.

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- Phòng Nội vụ huyện;
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND xã;
- Chủ tịch và các PCT UBND xã;
- Các các ban ngành, đoàn thể cấp xã;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Văn Sửu

Phụ lục 1:
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ
CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH QUÝ III
(Kèm theo Báo cáo số 148/BC-UBND ngày 11/9/2024 của UBND xã Phong Hải)

I. Tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC

TT	Nội dung	Số nhiệm vụ	Đã hoàn thành		Chưa hoàn thành		
			Số nhiệm vụ	Tỷ lệ	Số nhiệm vụ	Tỷ lệ	Lý do chưa hoàn thành
1	Cải cách thể chế	6	3	70%	3	70%	Chưa đến kỳ
2	Cải cách thủ tục hành chính	11	7	63,63%	4	36,37%	Chưa đến kỳ
3	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính	2	1	50%	1	50%	Chưa có thay đổi
4	Cải cách chế độ công vụ	4	2	50%	2	50%	Chưa đến kỳ
5	Cải cách tài chính công	2	1	50%	1	50%	Chưa đến kỳ
6	Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số	7	5	71,42%	2	28,58%	Chưa đến kỳ
TỔNG CỘNG		32	19	59,37%	13	40,62%	

II. Tình hình thực hiện cụ thể các nhiệm vụ CCHC

TT	Nội dung, nhiệm vụ	Sản phẩm	Kết quả thực hiện
I. CẢI CÁCH THỂ CHẾ			
1	Kiểm tra, rà soát văn bản QPPL	Kế hoạch	Kế hoạch số 107/KH-UBND ngày 27/12/2023
		Báo cáo	Chưa đến kỳ
2	Xây dựng kế hoạch và báo cáo công tác theo dõi THPL	Kế hoạch	Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 04/01/2024
		Báo cáo	Chưa đến kỳ
II. CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH			
1	Rà soát TTHC	Kế hoạch	Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 11/01/2024
2	Xây dựng kế hoạch kiểm soát TTHC	Kế hoạch	Kế hoạch số 09/KH-UBND ngày 10/01/2024
3	Khảo sát lấy ý kiến về mức độ hài lòng trong thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn xã	100% các kiến nghị về TTHC của tổ chức, cá nhân được giải quyết theo quy định	Báo cáo số 129/BC-UBND ngày 25/7/2024
III. CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH			
1	Phân công nhiệm vụ đối với CBCC và những người hoạt động không chuyên trách	Quyết định	Khi có thay đổi
2	Kiện toàn, bố trí công chức làm việc tại bộ phận TN&TKQ	Quyết định	Khi có thay đổi
IV. CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ			
1	Tham gia đào tạo, bồi dưỡng CBCC	Quyết định cử đi học, danh sách đăng ký	Thực hiện đầy đủ

2	Đánh giá, phân loại, khen thưởng đối với cán bộ, công chức, người lao động theo quy định của pháp luật	Báo cáo	Chưa đến kỳ
V. CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG			
1	Triển khai và thực hiện tốt cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ; Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ; Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ	Báo cáo	Chưa đến kỳ
2	Ban hành Quy chế chi, tiêu nội bộ; quy chế quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý (có thể lồng ghép thành một quy chế)	Quyết định ban hành Quy chế	Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 11/01/2024
VI. XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ			
1	Ứng dụng CNTT	Kế hoạch	Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 02/02/2024
2	Xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại xã	Kế hoạch	Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 04/01/2024
3	Công bố mục tiêu chất lượng năm	Quyết định	Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 8/01/2024
VII. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH VÀ TUYÊN TRUYỀN			
1	Tuyên truyền Cải cách hành chính	Kế hoạch	Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 10/01/2024
2	Báo cáo công tác CCHC	Báo cáo	Báo cáo quý, 6 tháng, năm :

Phụ lục 2

**BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO
CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

(Kèm theo Báo cáo số 148/BC-UBND ngày 11./9/2024 của UBND xã Phong Hải)

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
	<i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành <i>(Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)</i>	Văn bản	15	
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm <i>(Lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	%	75	
2.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	16	
2.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	11	
3.	Kiểm tra CCHC			
3.1	Số cơ quan, đơn vị thuộc UBND huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	0	
3.2	Số UBND cấp xã đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	0	
3.3	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	0	
3.3.1	<i>Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra</i>	Vấn đề	0	
3.3.2	<i>Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong</i>	Vấn đề	0	
4.	Kiểm tra việc thực hiện quy định pháp luật về quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy			
4.1.	Số cơ quan, đơn vị được kiểm tra	%	0	
4.2.	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đã hoàn thành việc thực hiện kết luận kiểm tra	%	0	
5.	Thực hiện nhiệm vụ UBND huyện giao			
5.1	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	17	
5.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	17	
5.3	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
5.4	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
6.	Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh giao			
6.1	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	0	
6.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	0	
6.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
6.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
7.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0	1	
7.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	45	
7.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	2	
8.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	

Phụ lục 3

BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH THỂ CHẾ

(Kèm theo Báo cáo số 148/BC-UBND ngày 11./9/2024 của UBND xã Phong Hải)

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
	<i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tổng số VBQPPL do địa phương ban hành	Văn bản		
1.1.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản		
1.2.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản		
2.	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản		
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%		
2.2.1.	<i>Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra</i>	<i>Văn bản</i>	0	
2.2.2.	<i>Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong</i>	<i>Văn bản</i>	0	
3.	Rà soát VBQPPL			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản	1	
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	100	
3.2.1.	<i>Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát</i>	<i>Văn bản</i>	0	
3.2.2.	<i>Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong</i>	<i>Văn bản</i>	1	

Phụ lục 4

BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(Kèm theo Báo cáo số 148./BC-UBND ngày 11/9/2024 của UBND xã Phong Hải)

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
	<i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Thông kê TTHC			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục		
1.2.	Số TTHC thuộc lĩnh vực phụ trách của cơ quan, đơn vị, địa phương được UBND tỉnh công bố mới	Thủ tục	1	
1.3.	Số TTHC thuộc lĩnh vực phụ trách của cơ quan, đơn vị, địa phương được UBND tỉnh công bố bãi bỏ, thay thế	Thủ tục		
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	130	
1.4.1.	<i>Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>		
1.4.2.	<i>Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	130	
2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục		
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục		
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục		
3.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.1.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>		
3.1.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>		
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.2.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>		
3.2.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>		
3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100	
3.3.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	188	
3.3.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	188	
3.4.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%		Không có PAKN
3.4.1.	<i>Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)</i>	<i>PAKN</i>	0	
3.4.2.	<i>Số PAKN đã giải quyết xong</i>	<i>PAKN</i>		

Phụ lục 5

BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY

(Kèm theo Báo cáo số/BC-UBND ngày .../09/2024 của UBND xã Phong Hải)

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
	<i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1	UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của tỉnh, Chính phủ			
1.2.	Số tổ chức liên ngành do cấp huyện thành lập	Tổ chức		
1.3.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương			
1.3.1	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị		
1.3.2	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%		
2.	Số liệu về biên chế công chức			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	17	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	17	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người		
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	0.00	
3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập		0	
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người		
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người		
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%		

Phụ lục 6

BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ

(Kèm theo Báo cáo số/BC-UBND ngày .../9/2024 của UBND xã Phong Hải)

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
	<i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	1	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	0	
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
2.	Tuyển dụng công chức, viên chức		0	
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người		
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người		
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người		
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người		
3.	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người	0	
4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).		0	
4.1.	Số lãnh đạo cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
4.2.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
4.3.	Số lãnh đạo cấp xã bị kỷ luật.	Người	0	
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người		

Phụ lục 7

BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG

(Kèm theo Báo cáo số...../BC-UBND ngày/9/2024 của UBND xã Phong Hải)

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%		
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	0	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	0	
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị	0	
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	0	
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	0	
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	0	
2.4.1.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i>	Đơn vị	0	
2.4.2.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i>	Đơn vị	0	
2.4.3.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i>	Đơn vị	0	
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	0	
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	0	

Phụ lục 8

**BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN
CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ**

(Kèm theo Báo cáo số/BC-UBND ngày/9/2024 của UBND xã Phong Hải)

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
	<i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện. Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	2	
3.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100	
4.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2		
5.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
5.1.1.	<i>UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>			
5.1.2.	<i>Tỷ lệ phòng, ban đã kết nối, liên thông với UBND huyện</i>	%		
5.1.3.	<i>Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.</i>	%	100	
5.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương <i>(Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).</i>	%	100	
5.2.1.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện</i>	%		
5.2.2.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các phòng, ban cấp huyện</i>			
5.2.3.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã</i>	%	100	
5.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
5.3.1.	<i>Cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống</i>			
5.3.2.	<i>Tỷ lệ phòng, ban đã kết nối liên thông với Hệ thống</i>	%		
5.3.3.	<i>Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống</i>	%	100	
6.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			
6.1.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%		

6.1.1.	<i>Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3</i>	<i>Thủ tục</i>	3	
6.1.2.	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3</i>	<i>Thủ tục</i>	3	
6.1.3.	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến</i>	<i>Thủ tục</i>	0	
6.2.	<i>Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4</i>	%		
6.2.1.	<i>Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4</i>	<i>Thủ tục</i>	76	
6.2.2.	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4</i>	<i>Thủ tục</i>	76	
6.2.3.	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến</i>	<i>Thủ tục</i>	0	
6.3.	<i>Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia</i>	%	42	
6.3.1.	<i>Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương</i>	<i>Thủ tục</i>		
6.3.2.	<i>Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia</i>	<i>Thủ tục</i>		
6.4.	<i>Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)</i>	%	42	
6.4.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)</i>	<i>Hồ sơ</i>	188	
6.4.2.	<i>Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến</i>	<i>Hồ sơ</i>	79	
6.5.	<i>Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến</i>	%		
6.5.1.	<i>Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí, ...)</i>	<i>Thủ tục</i>		
6.5.2.	<i>Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.</i>	<i>Thủ tục</i>		

